

Số: /QĐ-SXD

Phú Thọ, ngày tháng 6 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

#### GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018; Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ phân cấp công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Đơn giá nhân công xây dựng này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn Nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xác định chi phí đầu tư xây

dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng vốn khác.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định trước đây về đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Việc chuyển tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&VLXD.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Quang Tuấn**

**PHỤ LỤC****ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /6/2022  
của Sở Xây dựng Phú Thọ)

Đơn vị: Đồng/ ngày công

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
		Vùng II	Vùng III	Vùng IV
<b>I</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng (bậc 3,5/7)</b>			
1	Nhóm I	228.000	213.000	204.000
2	Nhóm II	240.000	224.000	214.000
3	Nhóm III	250.000	233.000	223.000
4	Nhóm IV			
	+ Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	252.000	236.000	227.000
	+ Lái máy các loại (bậc 2/4)	252.000	236.000	227.000
<b>II</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>			
1	Vận hành tàu, thuyền			
	+ Thuyền trưởng (bậc 1,5/2)	397.000	368.000	350.000
	+ Thuyền phó (bậc 1,5/2)	363.000	337.000	320.000
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện (bậc 2/4)	340.000	316.000	300.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông (bậc 1,5/2)	340.000	316.000	300.000
2	Thợ lặn (bậc 2/4)	570.000	535.000	510.000
3	Kỹ sư (bậc 4/8)	270.000	255.000	246.000
4	Nghệ nhân (bậc 1,5/2)	561.000	522.000	497.000

**Ghi chú:**

Phân chia khu vực theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 như sau:

- Vùng II: Thành phố Việt Trì;
- Vùng III: Thị xã Phú Thọ và các huyện: Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông;
- Vùng IV: Các huyện còn lại.